

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

8.28

Group

8

Round

8

Board

1

WHITE						FED		RESULT (W)			
Wu, Shihua						CHN		1			
BLACK						FED		RESULT (B)			
Zhou Yixin						CHN		0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Ab	Ab	41			61		
2	c4	cb	22	Ab	Ab	42			62		
3	nc3	d5	23	Bd3	Qb6	43			63		
4	Ba8	Bb4	24	Ra8	Ra8	44			64		
5	a3	Bc3	25	Rb1	Qd6	45			65		
6	b5	cb	26	Bb4	Qb8	46			66		
7	cd	Qa5	27	Be7	Qe8	47			67		
8	Bd2	ed	28	Qb4	Nge	48			68		
9	f3	Q-O	29	Nd5	Qd5	49			69		
10	e3	Bf5	30	h5	Nb6	50			70		
11	c4	Qab	31	Nd7	Re7	51			71		
12	cd	Qb7	32	Nes	Qe6	52			72		
13	dc	Ncb	33	Qb1	Qb6	53			73		
14	Rf8	Nc2	34	Qd5	Qe3	54			74		
15	Ne2	ab	35	h4	Re5	55			75		
16	Q4	Reb8	36	de	Qa7	56			76		
17	Q-O	Ne2	37	Bc4	Ne7	57			77		
18	af7	Kh8	38	Qd8	Nge	58			78		
19	Bc4	Bd7	39	Qg8		59			79		
20	Nf4	b5	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Wu, Shihua			Zhou Yixin			Sth					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

2026.8.28

Group

8

Round

8

Board

1

WHITE						FED		RESULT (W)			
Wu, Shihua						CHN		1			
BLACK						FED		RESULT (B)			
Zhou, Yixin						CHN		0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Nf4	b5	41			61		
2	c4	e6	22	ab	ab	42			62		
3	nc3	d5	23	Bd3	Qb6	43			63		
4	Bg5	Bb4	24	Ra8	Ra8	44			64		
5	a3	Bc3	25	Rb1	Qd6	45			65		
6	bc	cb	26	Bb4	Qb8	46			66		
7	cd	Qa5	27	Be7	Qe8	47			67		
8	Bd2	ed	28	Qb4	Ng8	48			68		
9	f3	O-O	29	~~Nd5~~	Qf7	49			69		
10	e3	Bf5	30	Nb6	Re8	50			70		
11	Qb3	b6	31	Nd7	Re7	51			71		
12	c4	Qa6	32	Ne5	Qe6	52			72		
13	cd	Qb7	33	Qb5	Qb6	53			73		
14	dc	Nc6	34	Qd5	Qe3	54			74		
15	Bc4	Re8	35	Kh1	Re5	55			75		
16	Ne2	a6	36	de	Qa7	56			76		
17	a4	Rb8	37	Bc4	Ne7	57			77		
18	O-O	Ne7	38	Qd8	Ng8	58			78		
19	Bf7	Kh8	39	Qg8		59			79		
20	Bc4	Bd7	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Wu, Shihua			Zhou Yixin			Sth					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date
8.28

Group
G8
Round
8
Board
2

WHITE ZhaYunxi						FED CHN				RESULT (W) 0	
BLACK Tang Yinlong						FED CHN				RESULT (B) 1	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	g6	21	Bb3	Ra8	41	Qd2	Rc5	61	Bf4	Kb4
2	d4	Bg7	22	Ra1	b6	42	Bd2	Qd8	62	Kf5	Kc5
3	Nc3	d6	23	b3	Qc5	43	Qd3	Rc8	63	1g5	1c4
4	h3	Nf6	24	Qa3	Qj5	44	Qd3	Rc8	64	Bb3	Rb1
5	Bd3	O-O	25	Re2	ab	45	Qd3	Rc8	65	1cs	1cs
6	O-O	Nb4	26	ab	C6	46	Bd3	Rc8	66	Bf2	Rf1
7	Bf4	Re8	27	Ra2	Cd	47	Re1	1g8	67	Kk63	1cs
8	Nc3	e5	28	Rxd5	Rd5	48	Re1	1g8	68	Kb2	Rb1
9	de	Ne5	29	Rd5	Qe7	49	Re1	1g8	69	Kb3	Rb3
10	Ne5	de	30	Qe3	Qa7	50	Bd2	Rc8	70	Kb2	1g5
11	Bb3	Bd7	31	f4	e5	51	Bd3	Rc8	71	Kb1	Kf3
12	Qf3	Qa7	32	Re6	Bf8	52	b4	Rd1	72	Bd4	Re3
13	Bh4	Bc6	33	f5	Bd6	53	g4	h5	73	Bf6	Kb3
14	Rf1	h6	34	Bf6	Kh7	54	1c4	1d6	74	Kf1	Rf6
15	Ad5	Bd5	35	Qd4	Bd2	55	Kd3	1cc6	75	Kg1	Rf6
16	Qd5	Nd7	36	Qd5	Bd2	56	Kd4	Rd1	76	Kh1	Rf1
17	Qd5	Ne5	37	Qd5	Bd2	57	ba	ba	77		
18	Qd5	Nc5	38	Qd5	Bd2	58	h4	Rh1	78		
19	Qd5	Bd3	39	Qd5	Bd2	59	Bc6	Rc8	79		
20	Bd3	Nd5	40	Qe3	Qf7	60	Bd4	1b5	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
ZhaYunxi			Tang Yinlong			S SM					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date
8/28

Group
G08
Round
8
Board
2

WHITE Zha, Yunxi						FED CHN				RESULT (W) 0	
BLACK tang, Yinlong						FED CHN				RESULT (B) 1	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	g6	21	Bg3	Ra8	41	Qxe2	RC8	61	Bf4	Kxb4
2	d4	B97	22	Ra1	b6	42	Bd2	Qe8	62	Kf5	Kc5
3	Nf3	d6	23	b3	Qc5	43	Qf3	Qd7	63	Kg5	Kd4
4	h3	Nf6	24	Rf3	a4	44	Qf4	Qg7	64	Bg3	Rg1
5	Bd3	O-O	25	Re2	ab	45	Qe3	Rxc4	65	Kf4	Kd5
6	O-O	Nbd7	26	ab	c6	46	Qxb6	Qd4	66	Bf2	Rf1
7	Bf4	Re8	27	Red2	~~Qcd1~~	47	~~Qxd4~~	Rxd4	67	Kg3	ke4
8	Nc3	e5	28	Rxd5	Rxd5	48	Be1	Kg5	68	Kg2	Rb1
9	de	Nxe5	29	Rxd5	Qe7	49	Kf2	Kf7	69	Kg3	Rb3+
10	Nxe5	de	30	Qe3	Qa7	50	ke3	Rd7	70	Kg2	Kf4
11	Bg3	Bd7	31	f4	e4	51	Bd2	ke6	71	Kg1	Kf3
12	Qf3	Qe7	32	Rd6	Bf8	52	Bc3	Rd5	72	Bd4	Rd3
13	Bh4	Bc6	33	f5	Bxd6	53	g4	h5	73	Bf6	Kg3
14	Rfe1	h6	34	Bxd6	Kh7	54	ke4	Kb6	74	Kf1	Rf3+
15	Nd5	Bxd5	35	Qd4	e3	55	ke3	Kc6	75	Kg1	Rxf6
16	ed	Qd6	36	Bg3	e2	56	ke4	Rd1	76	Kh1	RAH
17	c4	Nd7	37	Be1	Qc7	57	gh	gh	77		
18	Qe4	Nc5	38	b4	Rd8	58	h4	Rh1	78		
19	Qe3	Nxd3	39	f9	f9	59	RBf6	Rf1	79		
20	Rxd3	a5	40	Qe3	Qf7	60	Be5	Kb6	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
ZhaYunxi			Tang, Yintong			SSM					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.27

Group 08
Round 7
Board 3

WHITE Wang Yingjie						FED CHN			RESULT (W) 1		
BLACK Margad-Indar, Amgajun & Zauri						FED MAL			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	fe	dc	41			61		
2	d4	dt	22	ef	rf7	42			62		
3	ed	ed	23	ac3	bc5	43			63		
4	bd3	c5	24	ab	ac7	44			64		
5	dc	bc5	25	af7	af7	45			65		
6	h3	nf6	26	bc4	ah8	46			66		
7	nf3	nc6	27	bf7	nd4	47			67		
8	o-o	o-o	28	bj6	af8	48			68		
9	g5	h6	29	rae1	bc7	49			69		
10	bl4	ad6	30	pe8	pe8	50			70		
11	nc3	bc6	31	bc6	b6	51			71		
12	ad7	nd7	32	bg6	bd6	52			72		
13	nb5	al8	33	g7	b5	53			73		
14	kl1	af	34	ge8	bt	54			74		
15	bg3	nes	35	g8		55			75		
16	nes	nes	36			56			76		
17	nc3	al6	37			57			77		
18	be5	bc5	38			58			78		
19	f4	bc7	39			59			79		
20	f5	d4	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) Wang Yingjie			SIGNATURE (BLACK) Margad-Indar			SIGNATURE (ARBITER) [Signature]					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.28

Group 08
Round 8
Board 3

WHITE Wang Yingjie						FED 1 CHN			RESULT (W) 1		
BLACK Margad-Indar, Amgajun & Zauri						FED MAL			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	ek	21	fe	dc	41			61		
2	d4	dt	22	ef	rf7	42			62		
3	ed	ed	23	ac3	bc5	43			63		
4	bd3	c5	24	ab	ac7	44			64		
5	dc	bc4	25	af7	af7	45			65		
6	h3	nf6	26	bc4	ah8	46			66		
7	nf3	nc6	27	bf7	nd8	47			67		
8	o-o	o-o	28	g8	rf8	48			68		
9	g5	h6	29	ae1	nc7	49			69		
10	bl4	ad6	30	ee8	ee8	50			70		
11	nc3	bc6	31	bc6	ba6	51			71		
12	ad7	nd7	32	gf7	bs	52			72		
13	nb5	al8	33	qeg7		53			73		
14	kl1	af	34			54			74		
15	bg3	nes	35			55			75		
16	nes	nes	36			56			76		
17	nc3	al6	37			57			77		
18	be5	bc5	38			58			78		
19	f4	bc7	39			59			79		
20	f5	d4	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) Wang Yingjie			SIGNATURE (BLACK) Margad-Indar			SIGNATURE (ARBITER) [Signature]					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8.28

Group G8
Round 18

Board 4

WHITE Gong, zi yi xuan						FED GHN		RESULT (W) 5			
BLACK zhen jia tian						FED GHN		RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Qd2	h6	41			61		
2	Nf3	g6	22	NC3	Qd7	42			62		
3	d4	Qd4	23	h3	Kh7	43			63		
4	Nd4	NC6	24	Qe2	Rb8	44			64		
5	NC3	Bg7	25	Red1	Qc6	45			65		
6	Be3	Nf6	26	NA2	Nd7	46			66		
7	f3	0-0	27	NC3	Qc6	47			67		
8	Qd2	d5	28	NA2	Qd7	48			68		
9	Nd4	bxc6	29	NC3	Qc6	49			69		
10	exd5	Cxd5	30	NC3	Qd7	50			70		
11	Bd4	Re8	31	NC3		51			71		
12	Bb5	Bd7	32			52			72		
13	Bxd7	Qxd7	33			53			73		
14	0-0	c5	34			54			74		
15	Bf2	Q5	35			55			75		
16	Q3	~~Q5~~ Qb1	36			56			76		
17	Rb1	Qf6	37			57			77		
18	Re1	Rd8	38			58			78		
19	NE2	Q4	39			59			79		
20	Qc3	Qb5	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Gong, zi yi xuan			zhen jia tian			894					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8.28

Group G8
Round 8

Board 4

WHITE Gong, zi yi xuan						FED CHN		RESULT (W) 1/2			
BLACK zhen jia tian						FED CHN		RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Qd2	h6	41			61		
2	Ng3	g6	22	NC3	Qd7	42			62		
3	d4	Qd4	23	h3	Kh7	43			63		
4	Nd4	NC6	24	Qe2	Rb8	44			64		
5	NC3	Bg7	25	Rled	Qc6	45			65		
6	Be3	Nf6	26	NA2	Qd7	46			66		
7	f3	0-0	27	NC3	Qc6	47			67		
8	Qd2	d5	28	NA2	Qd7	48			68		
9	Nd4	bxc6	29	NC3	Qc6	49			69		
10	exd5	Cxd5	30	NA2	Qd7	50			70		
11	Bd4	Re8	31	NC3		51			71		
12	Bb5	Bd7	32			52			72		
13	Bxd7	Qxd7	33			53			73		
14	0-0	c5	34			54			74		
15	Bf2	Q5	35			55			75		
16	Q3	Qb1	36			56			76		
17	Rb1	Qf6	37			57			77		
18	Re1	Rd8	38			58			78		
19	NE2	Q4	39			59			79		
20	Qc3	Qb5	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Gong, zi yi xuan			zhen jia tian			894					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/29

Group G08
Round 8
Board 5

WHITE Oh, Yernan						FED KOR		RESULT (W) 0			
BLACK Hong, Yi-fan						FED TPE		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	C4	C5	21	Rc1	Rxc1	41	h4	→	61		
2	Ng3	Nc6	22	Bxc1	Bxb6	42	Ke2	—	62		
3	Nf3	Nf6	23	Nc3	Bb4	43	Ke2	Kc5	63		
4	e3	e6	24	Bd2	Kf8	44	Kf2	d4	64		
5	d4	d5	25	Nb1	Bxb2	45	Ke2	Kf4	65		
6	Bd3	Bd6	26	Nxh2	Kf8	46	Kf2	b3	66		
7	O-O	O-O	27	Nd5	Nd7	47	Kf1	Kxf3	67		
8	b3	b6	28	Nxh7	Kxh7	48	Ke2	Kb4	68		
9	Bb2	Bb7	29	Nb5	d6	49	Ke1	Kf1	69		
10	Rc1	Cxd4	30	Nf3	Kc6	50	d2	Kg2	70		
11	Cxd4	Qd7	31	a4	b5	51	d1-Q	Kh2	71		
12	Cxd5	exd5	32	Nd2	bxa4	52	Bc6	Nc2+	72		
13	Qc2	Nf4	33	bxa4	Bb3	53	Qxc2+	Kb1	73		
14	Qd2	Nxb3	34	Bc2	Nb1	54	Qb2		74		
15	Qxd3	~~Bb3~~ a5	35	Bxa4	Kf1	55			75		
16	~~Nb5~~ Qd8		36	Kb5	Kf2	56			76		
17	Qf5	Qc8	37	Kc4	Kd2	57			77		
18	Qxc8	Rxc8	38	Kxb4	h3	58			78		
19	Nb5	Bc7	39	h5	Kf3	59			79		
20	Rxc8	Rxc8	40	h5	h4	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
[Signature]			Hong, Yi-fan			[Signature]					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/29

Group G08
Round 8
Board 5

WHITE Oh, Yernan						FED KOR		RESULT (W) 0			
BLACK Hong, Yi-fan						FED TPE		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	C4	C5	21	—	Rxc5	41	f3	g3	61		
2	Nc3	Nc6	22	Rc1	Rxc1	42	g4	h4	62		
3	Nf3	Nf6	23	Bxc1	Ba6	43	Ke2	Ke4	63		
4	e3	e6	24	Nc3	Bb4	44	Kf2	d4	64		
5	d4	d5	25	Bd2	Kf8	45	Ke2	Kf4	65		
6	Bd3	Bd6	26	Nb1	Bxb2	46	Kf2	d3	66		
7	O-O	O-O	27	Nd5	Ke8	47	Ke1	Kxf3	67		
8	b3	b6	28	Nf3	Nd7	48	Kd2	Ke4	68		
9	Bb2	Bb7	29	Nxd7	Kxd7	49	Ke1	Ke3	69		
10	Rc1	Cxd4	30	~~Bb3~~ Ng3	f6	50	Kf1	d2	70		
11	Cxd4	Qd7	31	Nf3	Kc6	51	Kg2	Kh2	71		
12	Cxd5	exd5	32	Qd4	b5	52	~~Kb6~~ Kc2+		72		
13	Qc2	Nf4	33	Nd2	bxa4	53	Qxc2	Kg1	73		
14	Qd2	Nxb3	34	bxa4	Bb3	54	Q		74		
15	—	a5	35	Nb3	Bc2	55			75		
16	Ne5	g4	36	Nd4	Bxa4	56			76		
17	Qf5	Qc8	37	Kf1	Kb5	57			77		
18	Bxc6	Rxc6	38	Ke2	Kc4	58			78		
19	Nb5	Bc7	39	Kc4	Kxd4	59			79		
20	Rxc8	Rxc8	40	h3	h3	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
[Signature]			Hong, Yi-fan			[Signature]					

11=5 ✓

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date
28/08/2026

Group
G08
Round
8
Board
6

WHITE Nur Aora Daniel						FED Mas			RESULT (W) 1/2		
BLACK Guo, Hezi						FED chn			RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Qxe7	Re8	41			61		
2	d4	d5	22	Qd6	Qxd6	42			62		
3	Nd2	dxe4	23	Bxd6	Nex	43			63		
4	Nxe4	Bf5	24	Nxe4	dxe4	44			64		
5	Ng3	Bg6	25	Nd4	Rnd8	45			65		
6	h4	h6	26	Bf4	Re6	46			66		
7	Nf3	Nbd7	27	Re2	Ree8	47			67		
8	Bd3	Bxd3	28	Kf1	Rd5	48			68		
9	Qxd3	e6	29	f3	Rh5	49			69		
10	Bf4	Qa5	30	Bg3		50			70		
11	c3	Ngf6	31			51			71		
12	a3	Be7	32			52			72		
13	O-O	Rpe1	33			53			73		
14	Rb1	Qb6	34			54			74		
15	Rg1	Rfd8	35			55			75		
16	Qe2	c5	36			56			76		
17	Rbd1	cd4	37			57			77		
18	Rxd4	Nc5	38			58			78		
19	Red1	Nd5	39			59			79		
20	Rxd5	exd5	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

11=5 ✓

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date
2026.8.28

Group
G08
Round
8
Board
6

WHITE Nur Aora						FED MAS			RESULT (W) 1/2		
BLACK Guo, Hezi						FED CHN			RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	dc6	21	Qe7	Re8	41			61		
2	d4	d5	22	Qd6	Qxd6	42			62		
3	Nd2	dxe4	23	Bxd6	Nex	43			63		
4	Nxe4	Bf5	24	Nex	dxe4	44			64		
5	Ng3	Bg6	25	Nd4	Rnd8	45			65		
6	h4	h6	26	Bf4	Re6	46			66		
7	Nf3	Nd7	27	Re2	Ree8	47			67		
8	Bd3	Bd3	28	Kf1	Rd5	48			68		
9	Qd3	e6	29	f3	Rh5	49			69		
10	Bf4	Qa5	30			50			70		
11	c3	Ngf6	31			51			71		
12	a3	Be7	32			52			72		
13	O-O	O-O	33			53			73		
14	Rfe1	Qb6	34			54			74		
15	Rb1	Rfd8	35			55			75		
16	Qe2	c5	36			56			76		
17	Rbd1	cd	37			57			77		
18	Rxd4	Nc5	38			58			78		
19	Rfd1	Nd5	39			59			79		
20	Rxd5	ed	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.28

Group
Round 8
Board 7

WHITE Nishigawa, Aona						FED		RESULT (W) 0			
BLACK Nomundari, D						FED		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	5b6	a5	41	Tb6	Uc4	61		
2	Uf3	d6	22	5d3	Td8	42	Toc5	dc	62		
3	d3	Uf6	23	Tpe8+	5e8	43	Hf2	He5	63		
4	g3	e6	24	Td8	Tp8	44	f4+	Hd5	64		
5	Uf3	te7	25	Ted1	Toc8	45	Hf3	Hd4	65		
6	Tg2	Ubc8	26	c3	Toc5	46	He4	Ud6	66		
7	Tf3	ae8	27	b3	Tpe5	47	h4	c4	67		
8	d4	cd	28	c4	bc	48	Hh5	e3	68		
9	5d4	e5	29	bc	ta6	49	g4	c2	69		
10	5c4	b-d	30	Toc1	tb7	50	f5	cf6	70		
11	O-O	Tp8	31	Ta6	Ta6	51	g5	5d8	71		
12	Ud5	Ud5	32	Toc8	Tc8	52			72		
13	ed	b5	33	Hf2	Ta3	53			73		
14	5d3	Uf6	34	Tg2	Tg2	54			74		
15	Tp8	Uf6	35	Hg2	5e4	55			75		
16	5e2	e4	36	5e4	Ue4	56			76		
17	Tf3	Toc8	37	Ta6	Hf8	57			77		
18	ta7	Tp8	38	Ta6	He7	58			78		
19	5e2	tb7	39	Ta6	Hf6	59			79		
20	Tb6	5d7	40	f3	Ud2	60			80		
SIGNATURE (WHITE) Aona			SIGNATURE (BLACK) Nomundari, D			SIGNATURE (ARBITER) Sgh					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/28/2026

Group G8
Round 8
Board 7

WHITE Nishigawa, Aona						FED JPN		RESULT (W) 0			
BLACK Nomundari, Delgardali						FED MGL		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	c5	21	Qb3	a5	41	Rp5	Nxc4	61		
2	Nf3	d6	22	Qd3	Bd8	42	Rxc5	dxc5	62		
3	d3	Nf6	23	Rxe8	Qxe8	43	Kf2	Ke5	63		
4	g3	e6	24	Bxd8	Rxd8	44	f4+	Kxd5	64		
5	Nc3	Be7	25	Rd1	Rc8	45	Kf3	Kd4	65		
6	Bg2	Nbd7	26	c3	Rc5	46	Kg4	h4	66		
7	Be3	ab	27	b3	Qe5	47	c4	Kh5	67		
8	d4	cx d4	28	c4	bxc4	48	c3	g4	68		
9	Qxd4	e5	29	bxc4	Ba6	49	c2	f5	69		
10	Qc4	O-O	30	Rc1	Bb7	50	c1=r	g5	70		
11	O-O	Rb8	31	Rb1	Ba6	51	Qd1#		71		
12	Nd5	Nxd5	32	Rc1	Bc8	52			72		
13	ex d5	b5	33	Kf1	Bh3+	53			73		
14	Qd3	Nf6	34	Bg2	Bxg2+	54			74		
15	Rfe1	e4	35	Kxg2	Qe4+	55			75		
16	Qe2	exf3	36	Rxe4	Nxe4	56			76		
17	Bxf3	Re8	37	~~Qd1~~ Rh	Kf8	57			77		
18	Ba7	Ra8	38	Rb8+	Ke7	58			78		
19	Qe3	Bb7	39	Rb7+	Kf6	59			79		
20	Bb6	Qd7	40	f3	Nd2	60			80		
SIGNATURE (WHITE) Aona			SIGNATURE (BLACK) Nomundari, Delgardali			SIGNATURE (ARBITER) Sgh					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Group
G08
Round
8/9
Date
28 Aug 26
Board
8

WHITE Huỳnh Thanh Trúc											
BLACK Quỳnh Tuy Sin En											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	04	05	21	hxgh	0xgh	41	gxh0	Rx01	61	Rd6	Rb3
2	Nf3	Nc6	22	Nh4	Rg8	42	Rxg1	Bh4	62	-f0	Rb4
3	0c4	0c5	23	f3	Bh3	43	0g3	0xg3	63	K03	Rb2
4	0a	Nf6	24	Rc2	0g7	44	Rxg3	0xb5	64	Kf2	Rba
5	d3	h6	25	Qf1	0g5	45	0xb5	b0	65	K03	Rh2
6	b4	0b6	26	Kh1	0g6	46	R06	Nb7	66	0xd3	Rxh3
7	b5	Na5	27	0f2	Nf8	47	Rxb0	Kg7	67	K04	Rh4
8	Nx05	0-0	28	f4	0h5	48	Rxe0	Rxa2	68	h05	Nh5
9	0b3	d6	29	Nt3	0g4	49	Rc7	Kf8	69	Rd7	Kp8
10	0c2	Rc3	30	0a2	R07	50	Rxb7	Rxe1	70	Rf7	K08
11	0f4	d4	31	R01	c5	51	Rxb8	Re1	71	Kd6	Rh1
12	04	a6	32	c5	f5	52	Kga	Re2	72	e7	Kxf7
13	a4	0e7	33	Nv1	N06	53	K03	Re3	73	f6	Rd1
14	Nd2	Nh7	34	N03	0g8	54	Kh4	Rxd3	74	Kc7	Re1
15	0-0	f6	35	Nh4	0f7	55	Rf6	Kc7	75	Kd7	Re6
16	N0p3	0g4	36	Ree1	0d8	56	Rxf5	Rc3	76	Kd8	Rd6
17	0h3	Kh8	37	N02	0h5	57	b6	Rx04	77	Kc7	Rxf6
18	h3	0h5	38	Nf3	0xf3	58	06	d3	78	Kd7	Re6
19	R01	0f5	39	Qxf3	0h4	59	b7	Rb4	79	e8=Q	Rxe8
20	0h2	04	40	Qh3	0h3	60	Rx05	Rxb7	80	Kd6	Re1
SIGNATURE (WHITE) Truc				SIGNATURE (BLACK) S7h				SIGNATURE (ARBITER) S7h			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Group
G08
Round
8/9
Date
28 Aug 26
Board
8

WHITE Huỳnh Thanh Trúc											
BLACK Quỳnh Tuy Sin En											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Kd6	K06	21			41			61		
2	Kd4	R08	22			42			62		
3	Kc4	Rd8	23			43			63		
4	Kc5	K06	24			44			64		
5	Kc6	Rc8	25			45			65		
6	Kb7	R01	26			46			66		
7	Ka8	Rb1	27			47			67		
8	Ka7	Kd6	28			48			68		
9	Ka6	Kc5	29			49			69		
10	Ka7	Kc6	30			50			70		
11	Ka8	Kc7	31			51			71		
12	Ka7	Ra1#	32			52			72		
13			33			53			73		
14			34			54			74		
15			35			55			75		
16			36			56			76		
17			37			57			77		
18			38			58			78		
19			39			59			79		
20			40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) Truc				SIGNATURE (BLACK) S7h				SIGNATURE (ARBITER) S7h			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Group
G08
Round
8/9
Date
28/08/2026
Board
8

WHITE Huỳnh Thanh Trúc											
BLACK Tuy Sin En, Syrie											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	E4	E5	21	h0	Bg4	41	gxh3	Rg1	61	Rh5	Rb3
2	Nf3	Nc6	22	Nh4	Rg5	42	Rg1	Bh4	62	E4	Rb4 +
3	Bx4	Bc5	23	F3	Bh3	43	Bg3	Bg3	63	Kg2 Kg3	Rb3
4	c3	Nf6	24	Rc2	Bg1g7	44	Rg3	0xb5	64	Kf2 Kf2	Rb2
5	d3	h6	25	Qf4	0g5	45	0xb5	h6	65	Kc3	Rh2
6	b4	0b6	26	Kh1	Bf6	46	R06	Nh7	66	Rd3	Rh3
7	b5	Na5	27	Qf2	Nf6	47	Rh6	Kg7	67	KxK4	Rh4
8	N05	0-0	28	F4	CJh5	48	Rc6	R02	68	Kc5	Rh5
9	Bb3	d5	29	NhF3	0g4	49	Rc1 +	KF8	69	RD7	KF8
10	Bx2	0x5	30	Ba2	Rg7	50	Rb7	Re1	70	RE2	Kc8
11	Bf4	h1	31	Rg1	c5	51	Rb6	Rc1 +	71	BKd6	Rh1
12	c4	06	32	c5	F5	52	Kg2	KxRc2 +	72	e7	KF7
13	04	0e7	33	Nf4	N06	53	Kg3	Re3 +	73	F6	BxRd1 +
14	Nh1	Nh7	34	Ng3	0g6	54	Kh4	Rd3	74	Kc7	Re1
15	0-0	F6	35	NhN4	QF2	55	RF0 +	Kc7	75	Kd7	Re6
16	Nf3	Bg4	36	Rc1	Bd8	56	RF5	Rc3	76	Kd1	Rd6
17	Bh3	Kh9	37	Nh2	Qh5	57	b6	Rc4	77	Kc7	RF6
18	N	BK5	38	Nf3	MBF3	58	c6	d3	78	Kh1	Rc6
19	Rc1	QF3	39	QF3	Qh4	59	b7	Rh4	79	e8=Q	Re8
20	Bh2	04	40	Qh3	Qh3	60	Rc5	Rb7	80	Kd6	BxRc1
SIGNATURE (WHITE) Huỳnh Thanh Trúc				SIGNATURE (BLACK) S7h				SIGNATURE (ARBITER) S7h			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Group
G08
Round
8/9
Date
2026.08.28
Board
8

WHITE H. Thanh Trúc											
BLACK Syrie Tuy Sin En											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Kd5	KF6	21			41			61		
2	Kd4	Rc8	22			42			62		
3	Kc4	Rd8	23			43			63		
4	Kc5	Kc6	24			44			64		
5	Kc6	Rc8	25			45			65		
6	Kb7	Rc1	26			46			66		
7	Ka8	Rb1	27			47			67		
8	Kb7 Kb8	Kd6	28			48			68		
9	KaKa8	Kc5	29			49			69		
10	Ka7	Kc6	30			50			70		
11	Ka8	Kc7	31			51			71		
12	KcKa7	Ra1#	32			52			72		
13			33			53			73		
14			34			54			74		
15			35			55			75		
16			36			56			76		
17			37			57			77		
18			38			58			78		
19			39			59			79		
20			40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) Huỳnh Thanh Trúc				SIGNATURE (BLACK) S7h				SIGNATURE (ARBITER) S7h			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 28/8/2026

Group G8
Round 8
Board 9

WHITE wehning Pangestika Nirmala						FED INA			RESULT (W) 1/2		
BLACK kannaphat kijkamjai						FED THA			RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Nxh4	Qxh4	41	Kf3	Kg7	61		
2	Nf3	nc6	22	Qe3	h5	42	kg4	kh6	62		
3	Bc4	Nf6	23	Qg3	Qg5	43			63		
4	d3	Be7	24	gxh5	Qxh5	44			64		
5	O-O	h6	25	Rg1	R ~~e~~ 6	45			65		
6	Be3	O-O	26	kh2	Rg6	46			66		
7	h3	d6	27	Qe3	Re8	47			67		
8	nc3	a6	28	Rxg6	Qxg6	48			68		
9	a4	Be6	29	Rg1	Qf6	49			69		
10	Ba2	Re8	30	~~Q~~ g5	Qxg5	50			70		
11	Ne2	Nh5	31	Rxg5	Re6	51			71		
12	Qd2	Bh4	32	f4 ~~5~~	f6	52			72		
13	Bxh6	Qf6	33	Rg6	Kh7	53			73		
14	Nxh4	gxh6	34	f5	Re7	54			74		
15	Nf3	Ne7	35	Rxf6	Nh5	55			75		
16	Bxe6	Qxe6	36	Rg6	Rg7	56			76		
17	g4	~~Ng8~~	37	Rxg7	Kxg7	57			77		
18	Ng8	Qf6	38	kg2	Kf6	58			78		
19	kg2	Nb6	39	h4	a5	59			79		
20	Ne2	Nh4	40	c3	b6	60			80		
SIGNATURE (WHITE) PND			SIGNATURE (BLACK) kannaphat k.			SIGNATURE (ARBITER) SSh					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 28-8-2026

Group G08
Round 8
Board 9

WHITE pangestika Nirmala wehning						FED INA			RESULT (W) 1/2		
BLACK kijkamjai kannaphat						FED THA			RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Nxh4	Qxh4	41	Kf3	Kg7	61		
2	Nf3	nc6	22	Qe3	h5	42	Kg4	Kh6	62		
3	Bc4	Nf6	23	Qg3	Qg5	43			63		
4	d3	Be7	24	gxh4	Qxh5	44			64		
5	O-O	h6	25	Rg1	Re6	45			65		
6	Be3	O-O	26	kh2	Rg6	46			66		
7	h3	d6	27	Qe3	Re8	47			67		
8	nc3	a6	28	Rxg6	Qxg6	48			68		
9	a4	Be6	29	Rg1	Qf6	49			69		
10	Ba2	Re8	30	Qg5	Qxg5	50			70		
11	Ne2	Nh5	31	Rxg5	Re6	51			71		
12	Qd2	Bh4	32	f4	f6	52			72		
13	Bxh6	Qf6	33	Rg6	Kh7	53			73		
14	Nxh4	gxh6	34	f5	Re7	54			74		
15	Nf3	Ne7	35	Rxf6	Nh5	55			75		
16	Bxe6	Qxe6	36	Rg6	Rg7	56			76		
17	g4	~~Ng8~~	37	Rxg7	Kxg7	57			77		
18	Ng8	Qf6	38	kg2	Kf6	58			78		
19	kg2	Nb6	39	h4	a5	59			79		
20	Ne2	Nh4	40	c3	b6	60			80		
SIGNATURE (WHITE) PND			SIGNATURE (BLACK) kannaphat k.			SIGNATURE (ARBITER) SSh					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



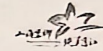
Date 28 Aug

Group G8
Round 8
Board 10

WHITE						FED		RESULT (W)			
Lee Xin En Zee						SGP		1			
BLACK						FED		RESULT (B)			
Ng Yan Ning						SGP		0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Ke5	Bg7	41			61		
2	Ca	e6	22	Qc6	Qc6	42			62		
3	Nc3	Nf6	23	Bb5	Qc7	43			63		
4	Bg5	c6	24	Bee	Re8	44			64		
5	e3	Be7	25	Nb5	Qb8	45			65		
6	Nf3	O-O	26	Rcl	a6	46			66		
7	Qc2	Nd7	27	Nc7	Rc8	47			67		
8	a3	Re8	28	Qc6	Bg5	48			68		
9	Bd3	Nf8	29	Qe6	Kf8	49			69		
10	O-O	Ng6	30	Qd7	Bd8	50			70		
11	Rfel	b6	31	Neg+	Ng8	51			71		
12	Rodl	Bb7	32	Qd7#		52			72		
13	ea	dc4	33			53			73		
14	Rc4	Qe7	34			54			74		
15	h3	Rf8	35			55			75		
16	ba	Qc8	36			56			76		
17	Qb3	Bd8	37			57			77		
18	b5	Bb7	38			58			78		
19	a4	L6	39			59			79		
20	Bf6	Rf6	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
8			yan Ning			SGL					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 28 Aug 24

Group G8
Round 8
Board 10

WHITE ZOE						FED SGP			RESULT (W) 1		
BLACK Yan Ning						FED SGP			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	e5	Bd7	41			61		
2	C4	e6	22	bxc6	Qxc6	42			62		
3	NC3	Nf6	23	Bb5	Qc7	43			63		
4	Bg5	c6	24	Bxc8	Rxc8	44			64		
5	e3	b7	25	Nb5	Qb8	45			65		
6	Nf3	O-O	26	Rd1	a6	46			66		
7	Qc2	Nd7	27	Nc7	Rc8	47			67		
8	a3	Re8	28	Qxb6	f6	48			68		
9	Bd3	Nf8	29	axb6	1c58	49			69		
10	~~O-O~~	Ng6	30	ad7	Bd8	50			70		
11	Rd1	bxc6	31	Nc6	kg8	51			71		
12	Rad1	Bb7	32	Qxg7#		52			72		
13	e4	~~exd4~~	33			53			73		
14	Bxc4	Qc7	34			54			74		
15	h3	Rad8	35			55			75		
16	b4	Qc8	36			56			76		
17	Qb3	Ba6	37			57			77		
18	b5	Bb7	38			58			78		
19	a4	h6	39			59			79		
20	Bxf6	Bxf6	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
8			yan			SGL					